

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/02/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P11+P5	7:25	15+3+4	0+0+0		10+0+5	0+0+0	CHUYEN 1 p3- p5,
2		P7+P8+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		15+3+0	0+0+0	CHUYEN 4 P7- BK16
3		P1+TD2+PVD1	7:25	22+0+0	0+0+0		11+10+0	0+0+0	chuyen 1TD2- Pvd1
4		AMD+TGTH4+HSD	9:25	17+2+3	0+0+0		15+2+1	0+0+0	CHUYEN 1 AMD-HSD
5		BK15+CTK3+P2	9:25	2+9+9	0+0+0		0+0+13	0+0+0	
6		P4+CLO+P6	9:25	20+0+1	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 2 clo- P6
7		AMD+TGTH5+TGTH1	11:25	7+3+2	0+0+0		0+2+3	0+0+0	CHUYEN 1 H5- H1
8		TD5+BK3+P1	11:25	6+1+14	0+0+0		1+0+17	0+0+0	
9		P5+P4+P7	11:25	6+15+1	0+0+0		3+5+6	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	TO: P3 - P11 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - MMinh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

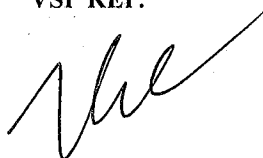
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN THAO	P3	05-06	2	13	50	75	YTE	Vietnamese
2	LÊ TAM THUY	P3	07-08	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THANH CAM	P3	11-12	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	15-16	2	4		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH PHONG	P3	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM TUAN KHAI	P3	18	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ KHAI ĐẠT	P3	21	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
9	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG THANH	P3	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUY ĐÌNH	P3	13	1	6		60	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P3	09-10	2	16		62	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P3	27	1	7		64	GETRACO	Vietnamese
14	LÊ TUÂN VŨ	P3	28	1	7		100	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN QUANG PHÚ	P3	22-23	2	11		65	DK9	Vietnamese
16	TRƯƠNG THẾ VINH	P11	54	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HUY MẠNH	P11	74	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG CUONG	P11	75	1	10	16	72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN TOÀN	P5	72	1	10	30	60	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM XUÂN HAI	P5	71	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	73	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	74	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	15	21	124	1.090	50	107		CHUYỂN 1 PAX TỪ P3 SANG P5
2	P11	3	3	34	228	16	0		
3	P5	4	4	30	286	30	5		
TOTAL		22	28	188	1.604	96	15		
WEIGHT KG				188	1.604	96			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P7 - P8 - BK16	CREW: QViệt - MTHAO - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

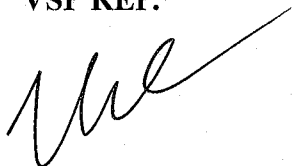
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHI DÂN	P7	09-10	2	12		60	YTE	Vietnamese
2	VŨ TIẾN NGỌC	P7	49	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MẠNH CUÔNG	P7	54	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VĂN SƠN	P7	52-53	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIẾN HIỆP	P7	60-61	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CÔNG LAN	P7	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC SƠN	P7	25	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRÌNH VĂN PHƯƠNG	P7					83	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	50	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC LÂM	P7	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	P7	45-46	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN PHÚ	P7	26	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN BA THUẬN	P7	43-44	2	16		74	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHOA	P7	47-48	2	18		90	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY BÀI	P7	29	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÚ	P7	27	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HẠO	P7	28	1	8	80	65	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẠO TUÂN CHỦ	P7	24	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC CUÔNG	P7	08	1	7		65	PSV	Vietnamese
21	MAI VĂN TOÀN	P7	22-23	2	11		60	PSV	Vietnamese
22	ĐÀU CÔNG SÁU	P7	07	1	7		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

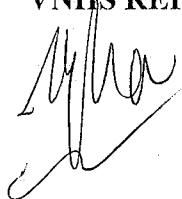
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	28	199	1.567	80	15	4	CHUYỂN 04 PAX TỪ P7 SANG BK16
2	P8	0	0	0	0	0	3		
3	BK16	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		22	28	199	1.567	110	18		
WEIGHT KG				199	1.567	110			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	TO: P1 - TD2 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrường - QTrường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÙNG	P1	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN QUÝ	P1	99	1	12		105	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH THỤ	P1	50	1	8		68	YTE	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN THẮNG	P1	06	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HAI	P1	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY KHÁNH	P1	97	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					83	KH-THAC	Vietnamese
9	VI KHẮC THANH	P1	48	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI HUY NGHIỆP	P1	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LUU VĂN TUẤN	P1	51	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TỰ	P1	98	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ HỮU CHUNG	P1	45	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH HAI	P1	03	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	05	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG TIỀN	P1	600	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOÀN	P1	46	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	04	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO ĐĂNG PHONG	P1	96	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	P1	47	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH HIẾU	P1	19	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
22	DUƠNG DUY KHUÔNG	P1					74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

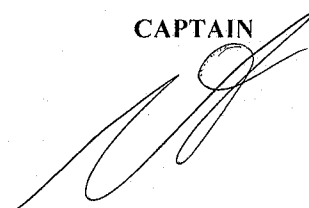
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	20	131	1.565	0	11		CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ TD2-PVD1
2	TD2	0	0	0	0	120	10		
3	PVD1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	20	131	1.565	120	21		
WEIGHT KG				131	1.565	120			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	TO: AMD - TGTH4 - HSD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - MMinh - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG THẾ HIEN	AMD	90	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN TÂN TRÍ	AMD	94	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	12,52	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ANH NGŨ	AMD	99,200	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	85-86	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ BA THANH	AMD	93	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HIỆU THAO	AMD	89	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	95-96	2	10	60	72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	AMD	10-11	2	18		70	HLJOC	Vietnamese
11	LÊ MẠNH THĂNG	AMD	21-22	2	12		60	HLJOC	Vietnamese
12	PHẠM MINH HUE	AMD	23,64	2	12		65	HLJOC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN QUAN	AMD	78-79	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	87-88	2	18		90	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH HUNG	AMD	97-98	2	18		58	KH-THAC	Vietnamese
16	TANG VĂN BA	AMD	92	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	13	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	37-38	2	15		85	HLJOC	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	39-40	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH BICH NGOC	HSD	75-76	2	12		70	TLJOC	Vietnamese
21	NGUYEN LE HONG VU	HSD	46	1	8		60	TLJOC	Vietnamese
22	LÊ CHI CUƠNG	HSD	77-78	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	27	180	1.197	60	15	2	CHUYEN 1 PAX AMD SANG HSD
2	TGTH4	2	4	25	155	0	2		
3	HSD	3	5	34	197	0	1		
TOTAL		22	36	239	1.549	60	18		
WEIGHT KG				239	1.549	60			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: BK15 - CTK3 - P2	CREW: QViệt - MTHAO - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG ANH TUÂN	BK15	14	1	10	55	63	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN CAO	BK15	16	1	11	27	58	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	CTK3	82	1	10	80	80	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH VINH	CTK3	89-90	2	12	30	70	XAYLAP	Vietnamese
5	VÕ HOÀNG LÂM	CTK3	84-85	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VINH	CTK3	86	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN KHA	CTK3	87-88	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2	22	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THẾ ANH	P2	25-26	2	17		68	NIPi	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HÀ	P2	27-29	3	20		74	NIPi	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HÙNG	P2	20-21	2	18	8	70	NIPi	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	23-24	2	10		62	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	18	1	7		61	PSV	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG VĂN	P2	19	1	8		71	PSV	Vietnamese
15	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	20	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	BUI LONG HUNG	P2	21	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	2	2	21	121	82	0		
2	CTK3	5	8	74	363	110	0		
3	P2	9	14	99	605	8	13		
TOTAL		16	24	194	1.089	200	13		
WEIGHT KG				194	1.089	200			

GRAND TOAL: 1.483 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	TO: P4 - CLO - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrường - QTrường	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THẾ DIỄN	P4	28	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
2	SAGIROV M. S.	P4	44	1	6		70	KH-THAC	Russian
3	VLASOV A. M.	P4					91	KH-THAC	Russian
4	ĐỖ HỮU NAM	P4	41	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	P4	22-23	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
6	VU BAO AN	P4	43	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO MINH TUÂN	P4	26	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN CHIẾN	P4	32	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	39	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ ANH	P4	33-35	3	11		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM VĂN PHÚC	P4	27	1	4	35	65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	38	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG KHAC DU	P4	42	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P4	29-30	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	P4	31	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	P4	25	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	40	1	6	17	63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	36-37	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	24	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TÚ ANH	P6	88	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	23	139	1.415	52	19		CHUYỂN 2 PAX CLO SANG P6
2	CLO	0	0	0	0	0	0	2	
3	P6	1	1	5	66	0	0		
TOTAL		21	24	144	1.481	52	19		
WEIGHT KG				144	1.481	52			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

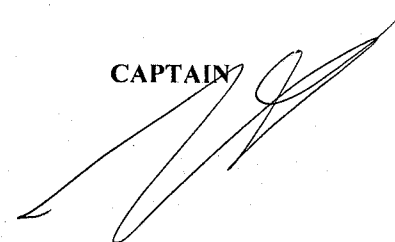
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:00
FLIGHT: 7	TO: AMD - TGTH5 - TGTH1	CREW: Tường - HHai	ETA: 12:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH THAI	AMD	48,4000	2	15	20	77	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ TRI HAI	AMD	65-66	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HAO	AMD	70-71	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI THANH LONG	AMD	73-75	3	13		89	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	AMD	67-68	2	19		83	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH VAN TU	AMD	72	1	16		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUÂN	AMD	76-77	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
8	DINH VAN QUANG	AMD	69	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VAN HUONG	TGTH5	28	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH5	27	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HIẾU	TGTH5	29-30	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	84	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	TGTH1	83	1	7		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	15	129	587	20	0		CHUYEN 2 PAX TGTH5 SANG TGTH1
2	TGTH5	3	4	27	214	0	2		
3	TGTH1	2	2	16	139	0	3		
TOTAL		13	21	172	940	20	5		
WEIGHT KG				172	940	20			

GRAND TOAL: 1.132 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	TO: TD5 - BK3 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Anh - HIẾU	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TUNG	TD5	53	1	6		64	SHINTRAC	Vietnamese
2	LUONG VAN DINH	TD5	21	1	11		68	SHINTRAC	Vietnamese
3	PHAN TRUONG PHONG	TD5	38	1	7		65	SHINTRAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUC HOA	TD5	13	1	8		73	SHINTRAC	Vietnamese
5	DINH CHI THAM	TD5	55	1	12		75	SHINTRAC	Vietnamese
6	PHAM VAN SANG	TD5	39	1	8		58	SHINTRAC	Vietnamese
7	BUI VAN THANH	BK3	85	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	53	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG ANH	P1	54-55	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH NHA	P1	61	1	6		80	PSV	Vietnamese
11	BUI VAN QUAN	P1	57	1	5		68	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KIẾN	P1	56	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	PHẠM PHÚ BÌNH	P1	50	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH MINH	P1	58-59	2	8	35	80	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN THANH	P1	95	1	10		66	HA VIỆT	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	P1	35-36	2	10		65	HA VIỆT	Vietnamese
17	ĐẶNG MẠNH HAI	P1	51	1	6		63	HA VIỆT	Vietnamese
18	ĐẶNG PHÁP ANH	P1	52-53	2	12		70	HA VIỆT	Vietnamese
19	PHẠM BA TUẤN	P1	37-39	3	15		68	HA VIỆT	Vietnamese
20	TRẦN VIỆT TUẤN	P1	60	1	6		63	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	52	403	0	1		
2	BK3	1	1	10	55	0	0		
3	P1	13	19	108	882	35	17		
TOTAL		20	26	170	1.340	35	18		
WEIGHT KG				170	1.340	35			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

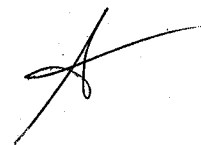
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 9	TO: P5 - P4 - P7	CREW: QViệt - Mạnh - MQUÂN	ETA: 13:35
TIM-3			

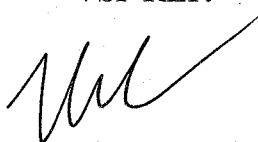
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TAN SANG	P5	16-17	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN ANH TUAN	P5	12	1	9		76	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUONG	P5	14	1	5		66	PSV	Vietnamese
4	DO KHAC DA	P5	15	1	6		68	PSV	Vietnamese
5	DAO XUAN THANH	P5	13	1	6		68	PSV	Vietnamese
6	ĐINH VĂN LƯU	P4	16	1	8		52	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	18	1	7		78	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	01	1	6		70	PSV	Vietnamese
9	TRẦN THANH LIÊM	P4	14	1	6		66	PSV	Vietnamese
10	BUI VĂN MUỘI	P4	17	1	5		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN AI	P4	15	1	4		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN NHAC	P4	12-13	2	12		74	BIENDONG	Vietnamese
13	DO TRUNG SY	P4	06-07	2	10		67	BIENDONG	Vietnamese
14	TONG NGUYEN NAM	P4	04-05	2	12		80	BIENDONG	Vietnamese
15	MAI VAN THIN	P4	10-11	2	11		70	BIENDONG	Vietnamese
16	DUONG PHUC HAU	P4	03	1	12		61	BIENDONG	Vietnamese
17	NGUYEN HUU CUONG	P4	02	1	16		47	BIENDONG	Vietnamese
18	DINH MANH SON	P4	08-09	2	10		66	BIENDONG	Vietnamese
19	ĐỖ LÝ KHÁNH	P7	93,200	2	20	40	88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

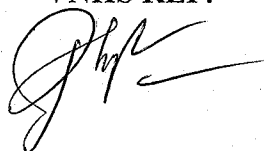
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	6	43	348	0	3		
2	P4	13	18	119	856	0	5		
3	P7	1	2	20	88	40	6		
TOTAL		19	26	182	1.292	40	14		
WEIGHT KG				182	1.292	40			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

